

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ K  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST  
Ngày 26 tháng 6 năm 2020  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
Vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Đường

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Phạm Xuân Thọ;  
- Bà Bùi Thị Thu Hằng.

*Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2019/TLST- DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu phố C, xã G, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số nhà 78, đường Q, phường H, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Bích T có quan hệ tình cảm từ năm 2017, do chị T cần tiền để mua ô tô nên chị có hỏi vay anh số tiền 400.000.000đ. Lúc này anh không có tiền nhưng vì tình cảm và tin tưởng chị T nên anh đã đi vay của người khác rồi về cho chị T vay, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1000đ/1

triệu/1 ngày, thời hạn vay là 10 ngày, khi vay không viết giấy tờ gì chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Đến thời hạn trả nợ nhiều lần anh yêu cầu chị T trả tiền nhưng chị không trả nên giữa anh và chị T mâu thuẫn với nhau trầm trọng. Do chị T có một lần lên A anh có nhờ vài người yêu cầu chị T viết giấy nhận nợ, nhưng những người này lại giữ xe ô tô của chị T và dẫn đến hai bên kiện cáo nhau ở Công an huyện A và Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Nay anh đề nghị Tòa án buộc chị T phải trả cho anh số tiền 400.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B có quan hệ quen biết nhau được 4 năm do hai bên có quan hệ làm ăn trong lĩnh vực xây dựng, chị bán vật liệu xây dựng cho anh B. Vào tháng 7/2018 chị có vay của anh B số tiền 400.000.000đ để trả tiền công thợ cho công ty của chị. Khi anh B cho chị vay tiền hai bên thỏa thuận vay nóng vài ngày sẽ trả luôn, không tính lãi và không viết giấy tờ gì. Do anh B cùng một số người lừa chị lên bãi đất trống tại thôn Đoàn Kết 2, xã G, huyện A, tại đây ép dọa đánh, giết chị và ép chị viết giấy nhận nợ số tiền 400.000.000đ, ép chị viết giấy bán xe và cướp chiếc xe của chị đang đi. Đến tháng 11/2018 chị đã trả cho anh B 400.000.000đ tại nhà của chị số 78 đường Q, phường H, thành phố K, khi chị trả tiền cho anh B chị không viết giấy tờ gì và không có ai làm chứng. Nay chị không nợ anh B khoản tiền gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị Bích T phải trả cho anh Nguyễn Văn B 400.000.000đ; về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật. Bị đơn quá trình giải quyết đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn

vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về pháp luật áp dụng: Các bên tranh chấp năm 2019 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; nghị quyết 326/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét yêu cầu của anh B về việc yêu cầu chị T phải trả số tiền 400.000.000đ, thấy rằng: Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của chị T, chị đều thừa nhận tháng 7/2018 chị có vay của anh B số tiền 400.000.000đ, vay nóng, không có giấy tờ chỉ thỏa thuận bằng miệng. Đến thời hạn trả tiền anh B nhiều lần yêu cầu chị T trả tiền nhưng chị T không trả dẫn đến hai bên xảy ra mâu thuẫn. Anh B đã nhờ một số người ép chị T phải viết giấy nhận nợ anh số tiền 400.000.000đ, tuy nhiên những người này lại giữ xe ô tô của chị T, dẫn đến hai bên kiện cáo nhau ở Công an huyện A và Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Lời khai của chị T tại phòng cảnh sát điều tra về tội phạm trật tự xã hội Công an tỉnh Vĩnh Phúc chị T thừa nhận nợ anh B 400.000.000đ và chưa trả. Do đó có cơ sở về việc anh B cho chị T vay số tiền 400.000.000đ.

[5] Về việc chị T cho rằng tháng 11/2018 chị đã trả cho anh B số tiền 400.000.000đ, không viết giấy tờ gì, không có ai làm chứng. Hội đồng xét xử thấy rằng. Khi anh B cho chị T vay tiền lúc đó hai bên có quan hệ tình cảm tốt đẹp, do tin tưởng nhau nên anh B không viết giấy biên nhận mà chỉ thỏa thuận bằng miệng với chị T. Sau đó anh B nhiều lần yêu cầu chị T trả tiền nhưng chị T không trả dẫn đến hai bên mâu thuẫn căng thẳng. Anh B đã nhờ người ép chị T viết giấy nhận nợ anh số tiền 400.000.000đ. Từ đó giữa anh B và chị T ngày càng mâu thuẫn, hai bên không tin tưởng nhau, đề phòng lẫn nhau, nếu họ có bất cứ giao dịch gì với nhau thì họ đều đề phòng đối với bên kia. Mặt khác số tiền 400.000.000đ không phải là số tiền nhỏ để khi trả tiền chị T lại không ghi giấy tờ gì, không có ai làm chứng để thể hiện việc chị đã trả tiền cho anh B. Chị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc chị đã trả tiền cho anh B nên lời khai của chị T không có căn cứ và không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về thời hạn vay: Anh B và chị T đều khai thời hạn vay là vay nóng, anh B khai thời hạn 10 ngày, còn chị T khai vài ngày. Điều đó thể hiện hai bên cho nhau vay tiền đã thỏa thuận, xác định một thời hạn. Tuy nhiên chưa xác định được thời hạn cụ thể nên hợp đồng vay trên thuộc hợp đồng vay có kỳ hạn.

[7] Về lãi suất của số tiền vay: Đây là hợp đồng vay tài sản thỏa thuận bằng miệng, anh B không yêu cầu tính lãi suất nên hợp đồng vay này là hợp

đồng vay có kỳ hạn và không có lãi suất quy định tại Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nội dung Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“1. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn nếu được bên vay đồng ý”.*

[8] Từ những phân tích và nhận định trên có cơ sở xác định chị Nguyễn Thị Bích T chưa trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền 400.000.000đ. Vì vậy việc anh B yêu cầu Tòa án buộc chị T phải trả cho anh số tiền 400.000.000đ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí có giá ngạch là  $(400.000.000đ \times 5\%) = 20.000.000đ$ . Anh B không phải chịu án phí được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 463, 466, 357, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền của anh Nguyễn Văn B đối với chị Nguyễn Thị Bích T.

Buộc chị Nguyễn Thị Bích T phải trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Trả lại cho anh Nguyễn Văn B số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006662 ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận***

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP K;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

Nguyễn Thị Đường



